

Số: 59^A/BC-UBND

Bắc Tân Uyên, ngày 14 tháng 04 năm 2021

BÁO CÁO

Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách huyện Bắc Tân Uyên Quý I năm 2021

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp Ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 3967/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết số 128/NQ-HĐND ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân huyện về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi và phân bổ ngân sách địa phương năm 2021;

Ủy ban nhân dân huyện Bắc Tân Uyên báo cáo công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách Huyện Quý I năm 2021 như sau:

PHẦN THỨ NHẤT TÌNH HÌNH ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ I

A. THU-CHI NGÂN SÁCH:

I. Thu ngân sách quý I:

Tổng thu NSNN ước thực hiện Quý I/2021 là: 281.737 triệu đồng, bằng 80% so với cùng kỳ, đạt 27% so với dự toán tỉnh và 25% dự toán HĐND huyện thông qua. Trong đó ước thu mới ngân sách: 161.737 triệu đồng bằng đạt 74% so với cùng kỳ, đạt 29% dự toán tỉnh giao và dự toán HĐND thông qua, bao gồm các nguồn thu cụ thể như sau:

1. Thu mới ngân sách:	161.737 triệu đồng, đạt 29%
- Thu thuế từ doanh nghiệp nhà nước địa phương:	9.220 triệu đồng
- Thu ngoài quốc doanh:	71.671 triệu đồng đạt 25%
- Thuế trước bạ:	6.185 triệu đồng đạt 27%
- Thu tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp:	72 triệu đồng đạt 5%
- Thu tiền thuê đất:	16.259 triệu đồng đạt 43%
Trong đó huyện quản lý:	959 triệu đồng đạt 3%
- Thu tiền sử dụng đất:	24.969 triệu đồng đạt 23%



- Thu phí, lệ phí:	6.615 triệu đồng đạt 28%
- Thu khác ngân sách:	6.909 triệu đồng đạt 27%
- Thuế thu nhập cá nhân:	15.833 triệu đồng đạt 36%
- Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản:	166 triệu đồng, đạt 17%
- Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản:	4.004 triệu đồng.
2. Thu bổ sung từ NS cấp trên:	120.000 triệu đồng đạt 27%

(Đính kèm phụ lục 01)

II. Chi ngân sách quý I:

Tổng chi NSNN ước thực hiện tháng Quý I/2021 là: 112.999 triệu đồng, bằng 63% so với cùng kỳ, đạt 16% so với dự toán tỉnh và 14% so với dự toán HĐND huyện thông qua, bao gồm các khoản chi sau:

1.1. Chi đầu tư phát triển:	24.833 triệu đồng đạt 13%
<i>Trong đó: Chi từ nguồn vốn phân cấp:</i>	<i>20.465 triệu đồng, đạt 18%</i>
1.2. Chi thường xuyên:	88.166 triệu đồng đạt 15%
<i>Trong đó :</i>	
- Chi sự nghiệp kinh tế:	2.458 triệu đồng đạt 02%
- Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề:	22.439 triệu đồng đạt 17%
- Chi sự nghiệp y tế:	3.846 triệu đồng đạt 12%
- Chi sự nghiệp văn hóa- thông tin:	1.360 triệu đồng đạt 12%
- Chi sự nghiệp thể dục-thể thao:	474 triệu đồng đạt 06%
- Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình:	224 triệu đồng đạt 6%
- Chi đảm bảo xã hội:	7.380 triệu đồng đạt 22%
- Chi quản lý hành chính:	19.633 triệu đồng đạt 13%
- Chi ANQP địa phương:	11.945 triệu đồng đạt 20%
- Chi khác ngân sách:	204 triệu đồng đạt 01%
- Chi tạm ứng ngoài ngân sách:	18.203 triệu đồng
- Chi ngân sách xã:	6.525 triệu đồng

(Đính kèm phụ lục 02)

B. ĐÁNH GIÁ CHUNG:

I. Về thu ngân sách:

Trong Quý I, Chi cục thuế và Phòng Tài chính-Kế hoạch đã tham mưu UBND huyện triển khai quyết liệt và đồng bộ các giải pháp để thực hiện chính sách pháp luật thuế, tạo mọi điều kiện hỗ trợ doanh nghiệp ổn định hoạt động phát

triển sản xuất kinh doanh, tăng nguồn thu nộp ngân sách nhà nước. Nhìn chung tình hình ước thực hiện thu ngân sách nhà nước trong kỳ trên địa bàn huyện cơ bản đạt các chỉ tiêu được giao. Cụ thể: thuế ngoài quốc doanh, thu tiền sử dụng đất, thu phí lệ phí, thu nhập cá nhân.

Bên cạnh những nguồn thu đạt vẫn còn một số nguồn thu đạt thấp do những thấp đầu năm và rơi vào dịp tết. Đồng thời đây là thời điểm cây cao su thay lá. Tình hình dịch bệnh đang phát sinh, một số công ty doanh nghiệp đóng cửa đồng thời do chưa đến thời gian nộp theo giấy báo, dẫn đến nguồn thu thấp như các nguồn: thuế phi nông nghiệp, thuế trước bạ, tiền thuê đất, thu hoa lợi công sản, thu khác ngân sách...

Tổng số thu cân đối ngân sách địa phương ước thực hiện Quý I/2021: 174.785 triệu đồng, đạt 24% so với 22% dự toán HĐND huyện thông qua. Trong đó các khoản ước thu ngân sách được hưởng 100% là 28.254 triệu đồng, đạt 18% so với dự toán HĐND huyện thông qua; các khoản ước thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm là: 26.531 triệu đồng, đạt 27% so với dự toán HĐND huyện thông qua.

II. Về chi ngân sách:

Được sự quan tâm chỉ đạo của Thường trực Huyện ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân huyện, sự phối hợp của các ban ngành, các xã thực hiện việc chi ngân sách đảm bảo, tham mưu thực hiện tốt, đảm bảo đầy đủ các chế độ chính sách phục vụ Tết Nguyên đán cho các đối tượng chính sách, người có công cách mạng, tiền lương, tết cho từng cán bộ công chức, lực lượng vũ trang, cán bộ chiến sĩ và các chế độ chính sách phục vụ công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ năm 2021... Tuy nhiên để thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch, các đơn vị được giao nhiệm vụ cần tập trung, tích cực hơn nữa trong công tác thực hiện chi ngân sách đảm bảo kế hoạch đề ra.

Đồng thời với chi thường xuyên thì công tác XD CB cũng thuận lợi, đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện các công trình, dự án trên địa bàn huyện. Nhưng về trình tự, thủ tục trao đổi đất và công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư các dự án kéo dài do quy trình, thủ tục phải thông qua nhiều Sở, Ngành và UBND tỉnh nên ít nhiều đã ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các dự án, tiến độ giải ngân thanh toán các công trình.

(Kèm theo các biểu số 93,94,95/CK-NSNN)

Trên đây là báo cáo công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách Huyện Quý I năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Bắc Tân Uyên./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- TT. Huyện;
- TT. HĐND;
- CT, các PCT;
- Phòng TC-KH;
- Phòng VH TT (đăng tải trên trang thông tin điện tử Huyện);
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Thái Thanh Bình

BÁO CÁO TÌNH HÌNH ƯỚC THỰC HIỆN THU NSNN QUÝ I NĂM 2021

(Kèm theo Báo cáo số 59/BC-UBND ngày 14/04/2021 của UBND huyện Bắc Tân Uyên)

CHỈ TIÊU	Dự toán		Thực hiện 2 tháng	Ước thực hiện tháng 03	Ước thực Quý I	SO SÁNH			
	Tỉnh giao	Huyện giao				5/2	5/3	6/2	6/3
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
A. TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	1.026.447	1.110.447	183.707	98.030	281.737	10	09	27	25
I. Thu từ sản xuất kinh doanh trong nước	552.060	552.060	103.707	58.030	161.737	11	11	29	29
1. Thu từ doanh nghiệp nhà nước Trung ương	-	-	-	-	-				
2. Thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương	-	-	2.220	7.000	9.220				
- Thuế giá trị gia tăng			634	2.000	2.634				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp			1.586	5.000	6.586				
3. Thu từ doanh nghiệp đầu tư nước ngoài	-	-	-	-	-				
4. Thuế ngoài quốc doanh	281.668	281.668	59.321	12.350	71.671	04	04	25	25
- Thuế giá trị gia tăng	132.224	132.224	18.786	6.500	25.286	05	05	19	19
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	96.093	96.093	31.515	3.000	34.515	03	03	36	36
- Thuế tài nguyên	53.351	53.351	9.020	2.850	11.870	05	05	22	22
5. Thu lệ phí trước bạ	23.052	23.052	4.685	1.500	6.185	07	07	27	27
6. Thuế sử dụng đất nông nghiệp	-	-							
7. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.339	1.339	22	50	72	04	04	05	05
8. Thuế nhà đất	-	-							
9. Thuế chuyển quyền sử dụng đất	-	-							
8. Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	38.050	38.050	259	16.000	16.259	42	42	43	43
Trong đó: Huyện quản lý	38.050	38.050	259	700	959	02	02	03	03
9. Thu tiền sử dụng đất	109.479	109.479	18.269	6.700	24.969	06	06	23	23
10. Thu phí và lệ phí	23.756	23.756	4.815	1.800	6.615	08	08	28	28
Trong đó: Phí, lệ phí Trung ương, Tỉnh	2.400	2.400	246	300	546	13	13	23	23
11. Thuế thu nhập cá nhân	44.428	44.428	10.033	5.800	15.833	13	13	36	36
12. Thu khác ngân sách	25.957	25.957	4.079	2.830	6.909	11	11	27	27
- Huyện quản lý	12.000	12.000	2.099	1.000	3.099	08	08	26	26
13. Thu từ quỹ đất c. ích và hoa lợi công sản	4.331	4.331			-	00	00	00	00
14. Thu tiền khai thác khoáng sản			4	4.000	4.004				
B. Tổng thu ngân sách địa phương	726.054	810.054	121.677	53.108	174.785	07	07	24	22
1. Các khoản thu NS địa phương hưởng 100%	153.479	153.479	20.654	7.600	28.254	05	05	18	18
2. Thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	98.188	98.188	21.023	5.508	26.531	06	06	27	27
3. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	455.057	455.057	80.000	40.000	120.000	09	09	26	26
- Bổ sung cân đối ngân sách	440.896	440.896	80.000	40.000	120.000	09	09	27	27
+ Bổ sung ổn định thời kỳ ổn định	392.657	392.657	80.000	40.000	120.000	10	10	31	31
+ Bổ sung chế độ mới	48.239	48.239			-	00	00	00	00
- Bổ sung có mục tiêu	14.161	14.161			-	00	00	00	00
4. Thu kết dư	19.330	103.330	-	-	-	00	00	00	00
- Ngân sách huyện	19.330	103.330			-	00		00	
- Ngân sách xã		-			-				
CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH									
Tổng thu ngân sách địa phương	726.054	810.054	121.677	53.108	174.785	07	07	24	22
Tổng chi ngân sách địa phương	726.054	810.054	75.635	37.364	112.999	05	05	16	14
Bộ thu (+) Bộ chi (-)	0	0	46.042	61.786	61.786				
- Ngân sách huyện	-	-							
- Ngân sách xã	-	-							

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH ƯỚC THỰC HIỆN CHI NSNN QUÝ I NĂM 2021**(Kèm theo Báo cáo số 53^{AB}/BC-UBND ngày 14/04/2021 của UBND huyện Bắc Tân Uyên)

ĐVT: Triệu đồng

NỘI DUNG CHI	Dự toán		Thực hiện tháng 2	Ước thực hiện tháng 3	Ước TH Quý I	So Sánh			
	Tỉnh giao	Huyện giao				5/2	5/3	6/2	6/3
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	726.054	810.054	75.635	37.364	112.999	05	05	16	14
I. Chi đầu tư phát triển:	113.809	197.809	14.019	10.814	24.833	10	05	22	13
- Chi từ nguồn phân cấp ngân sách	113.809	113.809	14.019	6.446	20.465	06	06	18	18
- Nguồn vốn kết dư CCTL (tinh)			-		-				
- Vốn ngân sách huyện (vốn kết dư)		84.000	-	4.368	4.368		05		05
II. Chi thường xuyên:	593.745	593.745	61.616	26.550	88.166	04	04	15	15
1. Chi sự nghiệp kinh tế:	150.185	150.185	658	1.800	2.458	01	01	02	02
- Chi sự nghiệp nông nghiệp - thủy lợi	26.999	26.999	554	500	1.054	02	02	04	04
- Chi sự nghiệp giao thông	61.287	61.287	-		-	00	00	00	00
- Chi sự nghiệp kiến thiết thị chính	21.000	21.000	-	300	300	01	01	01	01
- Chi sự nghiệp môi trường	34.723	34.723	95	1.000	1.095	03	03	03	03
- Chi sự nghiệp kinh tế khác	6.176	6.176	9		9	00	00	00	00
2. Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề:	128.708	128.708	14.239	8.200	22.439	06	06	17	17
- Sự nghiệp giáo dục	121.350	121.350	14.139	8.000	22.139	07	07	18	18
- Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề	7.358	7.358	100	200	300	03	03	04	04
3. Chi sự nghiệp y tế	31.808	31.808	2.346	1.500	3.846	05	05	12	12
4. Chi sự nghiệp văn hoá-thông tin	8.236	8.236	860	500	1.360	06	06	17	17
5. Chi sự nghiệp thể dục-thể thao	7.712	7.712	174	300	474	04	04	06	06
6. Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	3.601	3.601	24	200	224	06	06	06	06
7. Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	606	606	-		-	00	00	00	00
8. Chi đảm bảo xã hội	32.940	32.940	6.380	1.000	7.380	03	03	22	22
9. Chi quản lý Hành chính:	145.682	145.682	11.633	8.000	19.633	05	05	13	13
10. Chi an ninh quốc phòng địa phương	59.844	59.844	6.945	5.000	11.945	08	08	20	20
- Chi an ninh trật tự, an toàn xã hội	21.842	21.842	2.416	2.500	4.916	11	11	23	23
- Chi quốc phòng địa phương	38.002	38.002	4.529	2.500	7.029	07	07	18	18
11. Chi khác ngân sách	24.423	24.423	154	50	204	00	00	01	01
12. Tạm ứng ngoài ngân sách	-	-	18.203		18.203				
13. Chi ngân sách xã			-		-			-	
III. Chi Dự phòng	18.500	18.500	-	-	-	00	00	00	00
IV. Chi chuyển nguồn			-	-	-				
V. Chi tạo nguồn CCTL			-						

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ I NĂM 2021

(Kèm theo Báo cáo số 59^{SK} /BC-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2021 của UBND huyện Bắc Tân Uyên)

ĐVT: Triệu đồng

S T T	Nội dung	Dự toán	Ước TH Quý 1	So sánh ước TH với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	1.110.447	183.707	17	377.319
I	Thu cân đối ngân sách	552.060	103.707	19	244.332
1	Thu nội địa	552.060	103.707	19	244.332
2	Thu viện trợ				
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	-			
III	Thu kết dư	103.330		-	42.987
B	TỔNG CHI NS HUYỆN	810.054	112.999	14	168.200
I	Tổng chi cân đối ngân sách	810.054	112.999	14	168.200
1	Chi đầu tư phát triển	197.809	24.833	13	73.504
2	Chi thường xuyên	593.745	88.166	15	94.696
3	Dự phòng ngân sách	18.500			
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh				

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC TÂN UYÊN**

Biểu số 94/CK-NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN THU NSNN QUÝ I NĂM 2021

(Kèm theo Báo cáo số 59/BC-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2021 của UBND huyện Bắc Tân Uyên)

ĐVT: Triệu đồng

S T T	Nội dung	Dự toán năm	Ước TH Quý 1	So sánh ước TH với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG THU NSNN	552.060	161.737	29	244.332
I	Thu nội địa	552.060	161.737	29	244.332
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý				944
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý	-	9.220		22.237
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	-	-		58
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	281.668	71.671	25	93.034
5	Thuế thu nhập cá nhân	44.428	15.833	36	8.780
6	Thuế bảo vệ môi trường				
7	Lệ phí trước bạ	23.052	6.185	27	4.532
8	Thu phí, lệ phí	23.756	6.615	28	5.261
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp				
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.339	72	5	50
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	38.050	16.259	43	1.117
12	Thu tiền sử dụng đất	109.479	24.969	23	71.618
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước				
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết				
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản				30.300
16	Thu khác ngân sách	25.957	6.909	27	6.178
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	4.331	4.004	92	223
II	Thu viện trợ				
B	THU NS HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN	251.667	54.785	22	56.465
1	Từ các khoản thu phân chia	98.188	26.531	27	32259
2	Từ các thu NS Huyện được hưởng 100%	153.479	28.254	18	24206

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ I NĂM 2021

(Kèm theo Báo cáo số 59/BC-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2021 của UBND huyện Bắc Tân Uyên)

ĐVT: Triệu đồng

S T T	Nội dung	Dự toán năm	Ước TH Quý 1	So sánh ước TH với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NS HUYỆN	810.054	112.999	14	168.200
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN HUYỆN	810.054	112.999	14	168.200
I	Chi đầu tư phát triển	197.809	24.833	13	73.504
1	Chi đầu tư cho các dự án	197.809	24.833	13	73.504
2	Chi đầu tư phát triển khác	0	0		
II	Chi thường xuyên	593.745	88.166	15	94.696
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	128.708	22.439	17	20.633
-	Chi khoa học và công nghệ (3)	606		0	
-	Chi quốc phòng	38.002	7.029	18	5.754
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	21.842	4.916	23	3.335
-	Chi y tế, dân số và gia đình	31.808	3.846	12	4.708
-	Chi văn hóa thông tin	8.236	1.360	17	1.271
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	3.601	224	6	547
-	Chi thể dục thể thao	7.712	474	6	172
-	Chi bảo vệ môi trường	34.723	1.095	3	150
-	Chi các hoạt động kinh tế	115.462	1.363	1	6.256
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	145.682	19.633	13	24.658
-	Chi bảo đảm xã hội	32.940	7.380	22	7.077
-	Chi thường xuyên khác	24.423	18.407	75	20.135
III	Dự phòng ngân sách	18.500		0	
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NS CẤP TRÊN				
1	Chương trình mục tiêu quốc gia				
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư				
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên				